

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2021/HS-ST**

Ngày 12/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đặng Hữu Tâm**

2/ Ông **Lê Quốc Dũng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Tuyết Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLHS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/QĐXXST– HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lâm Vũ S, sinh năm 1987 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lâm Hồ Đ, sinh năm 1943 và bà Thị S1, sinh năm 1951; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án.

- Vào ngày 23/8/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử 03 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, tại bản án hình sự số: 157/2011/HS-PT ngày 23/8/2011.

- Vào ngày 26/9/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số: 95/2016/HS-ST ngày 26/9/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Danh X O**, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K

Người làm chứng:

1/ Bà **Thị S2**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2/ Bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1954 (vắng mặt)

3/ Anh **Danh Su P**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

4/ Ông **Danh N**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 05/5/2020 anh Danh S2 P điều khiển xe nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68C1 – 147.71 của anh ruột là anh Danh X O để đi hút tót. Sau khi hút tót xong P chạy xe trên về đầu trước sân hàng ba nhà tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K và trên xe còn có gắn chìa khóa. Sau đó P và O đi ruộng chỉ còn mẹ là bà Thị S2 ở nhà làm công chuyện ở phía nhà sau. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đi nhậu về Lâm Vũ S đi ngang nhà bà Thị S2 thấy trên xe biển số 68C1 – 147.71 có gắn chìa khóa nên S đi lại dắt xe lên đường lộ bê tông và điều khiển xe chạy về hướng UBND xã Minh Hòa thuộc huyện Châu Thành. Khi S điều khiển xe chạy ngang qua nhà bà Đinh Thị L, sinh năm 1954 trú A, xã M, huyện C, tỉnh K (*nhà bà L cách nhà bà S2 khoảng 200m*) thì bà L nhìn thấy S chạy xe mô tô biển số 68C1 – 147.71 giống xe của O nên bà L đi qua nhà bà S2 hỏi “*có cho S mượn xe không*” thì bà S2 trả lời “*nói không có cho S mượn xe*”. Lúc này, bà S2 đi ra phía trước nhà xem lại xe còn ở trước hàng ba nhà không thì bà S2 phát hiện xe của O bị mất nên trình báo Công an. Sau khi lấy được xe S điều khiển xe ra Quốc lộ 61 đến cây xăng Nam Hưng thuộc xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để mua Ốc nhưng không thấy ai bán Ốc, sau đó S chạy xe vào chợ Tà Niên để tìm bạn nhưng không gặp, lúc này S chạy xe quay ra hướng Quốc lộ 61 thì va chạm với xe Taxi chạy cùng chiều nên S bị Lực L Cảnh sát giao thông huyện Châu Thành tạm giữ xe mô tô trên cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá số: 27/KL-HĐĐG ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68C1 – 147.71 tại thời điểm định giá có giá trị 4.485.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Việc thu giữ vật chứng và hướng xử lý: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 68C1 – 147.71, số máy 5C6K085945, số khung RLCS5C6K0DY085924, tài sản trên đã trả lại cho bị hại.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên trong quá trình truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Danh X O đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS-CT ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lâm Vũ S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lâm Vũ S phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lâm Vũ S** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Lâm Vũ S

là đối tượng có nhiều tiền án chưa được xóa án tích. Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 05/05/2020 trên đường đi về khi đi ngang qua nhà bà Thị S2 trú tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K Lâm Vũ S nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát: 68C1 – 147.71 của anh Danh X O đang đậu trước sân, quan sát thấy không có người nên S nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, S lén lúc đi lại gần thì thấy xe có gắn sẵn chìa khóa, S liền dắt xe lên đường lộ bê tông rồi điều khiển xe chạy về hướng Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa rồi quay lại đi ra Tà Niên tìm bạn nhưng không gặp. S điều khiển xe ra Quốc Lộ 61 thì bị va chạm giao thông nên Công an tiến hành thu giữ xe cùng tang vật. Theo như kết quả định thì chiếc xe mà S lấy trộm của anh O có giá trị là 4.485.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo Lâm Vũ S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân làm cho họ không an tâm lao động, công tác sản xuất, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người bị cáo có đủ năng lực, nhận thức rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng với bản chất tham lam lười lao động nên ý thức bị cáo luôn muốn chiếm đoạt tài sản của người khác mà không phải bỏ công lao động. Thể hiện qua vụ án này cho thấy khi đi ngang qua nhà bà Thị S2 bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển số 68C1 – 147.71 của anh O đang đậu trước sân không có người trông giữ bị cáo liền lén lút lấy trộm. Ngoài ra, qua hồ sơ thể hiện, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” vẫn chưa được xóa án tích. Lẽ ra khi đã nhiều lần sai phạm bị cáo phải biết sửa đổi, làm người lương thiện lo tu chí làm ăn nhưng bị cáo không làm được điều đó mà trái lại còn cố ý lấy trộm tài sản của người khác nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Không có, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra phải

ra quyết định truy nã mới bắt được bị cáo nên qua đây cần xem xét hình phạt tương xứng đối với bị cáo khi lượng hình mới là thỏa đáng.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị mất trộm người bị hại anh Danh X O đã được nhận lại và do anh O không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lâm Vũ S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lâm Vũ S 02** (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 28/01/2021.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Lâm Vũ S phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong